



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 9 năm 2026

BẢNG ĐIỂM GIỚI TỬ TỶ KHEO

SBD	PHÁP DANH	THẾ DANH	ĐƠN VỊ	HỆ PHÁI	ĐIỂM THI VẤN ĐÁP		ĐIỂM THI VIẾT		TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM TRUNG BÌNH	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
					GK (1)	GK (2)	GK (1)	GK (2)				
002	T.CHÚC HỖ	Trịnh Việt Khánh	P. Bình Tân	Bắc tông	10	10	9	9	38	9,50		
019	MINH TUỆ	Lê Quang Minh	P. Cát Lái	Nam tông	10	10	8	9	37	9,25		
030	T.TRÍ PHONG	Trần Dũng Sỹ	P. Phú Mỹ	Bắc tông	9,5	8	9	9	35,5	8,88		
002	BẢO CHÂN	Trần Đình Lợi	X. Châu Pha	Nam tông	8	9	9	9	35	8,75		
059	TUỆ KHÔNG	Nguyễn Xuân Quý	P. Long Bình	Nam tông	9	9	9	8	35	8,75		
054	TỊNH THIỆN	Trương Thanh Nguyên	P. Tân Uyên	Nam tông	9,5	9,5	8	7	34	8,50		
058	TUỆ CHƠN	Nguyễn Phú	X. Bình Châu	Nam tông	8	9	9	8	34	8,50		
063	MINH PHÚC	Võ Thành Tài	P. Phú Thọ Hòa	Nam tông	9,5	9,5	8	7	34	8,50		
012	T.NHUẬN THÀNH	Lê Phạm Thanh Nhã	X. Bình Lợi	Bắc tông	9	9,5	7,5	7,5	33,5	8,38		
020	T.TÂM QUÝ	Diệp Hoàng Phương	X. Cù Chi	Bắc tông	9,5	9,5	7	7,5	33,5	8,38		
012	DUYÊN NHỰT	Hoàng Minh Nhựt	P. Tân Uyên	Nam tông	9	7	9	8,5	33,5	8,38		
023	T.THÁNH PHÁP	Đỗ Xuân Tân	P. Khánh Hội	Bắc tông	8,5	7,5	7,5	9,5	33	8,25		

009	CHON MINH	Huỳnh Đức Chí	P. Hạnh Thông	Nam tông	8	9	8	8	33	8,25		
053	THIỆN TUỆ	Đặng Quốc Việt	X. An Bình	Nam tông	9	9	8	7	33	8,25		
062	GIÁC VIÊN	Trần Nhật Trọng	P. Tân Uyên	Nam tông	8	8	9	8	33	8,25		
014	T.QUẢNG HÀ	Lê Đức Minh Hà	P. An Phú Đông	Bắc tông	9,5	9,5	6,5	7	32,5	8,13		
039	T.MINH PHƯỚC	Phùng Phúc Ân	P. Bình Đông	Bắc tông	9	9	7	7,5	32,5	8,13		
017	T.TÂM ĐẠO	Đỗ Huy Thắng	P. Xuân Hòa	Bắc tông	9,5	10	6	6,5	32	8,00		
029	T.THIỆN TUỆ	Ngô Minh Trí	P. Hạnh Thông	Bắc tông	9,5	10	6,5	6	32	8,00		
009	T.MINH VIÊN	Vũ Thành Đăng	P. Tân Hải	Khất sĩ	9	9	6,5	7,5	32	8,00		
060	TUỆ TRÍ	Bùi Anh Tiền	P. Dầu Giây	Nam tông	8	8	8	8	32	8,00		
066	PHƯỚC NHUẬN TIỀN	Võ Văn Đà	P. Phước Tân	Nam tông	8	9	8	7	32	8,00		
067	TẤN BẢO	Nguyễn Văn Tuyên	P. Tam Thắng	Nam tông	8	9	8	7	32	8,00		
015	T.QUẢNG TÂM	Nguyễn Văn Tĩnh	P. Tân Sơn Hòa	Bắc tông	9	9	6	7,5	31,5	7,88		
008	CHÁNH VIÊN	Trần Kim Đoái	P. Vũng Tàu	Nam tông	9	9	7	6,5	31,5	7,88		
030	PHÁP KÍNH	Ngô Trọng Ân	X. Hồ Tràm	Nam tông	8	9	7,5	7	31,5	7,88		
005	T.ĐỨC TÂM	Trần Trung Hiếu	P. Khánh Hội	Bắc tông	9,5	9,5	6	6	31	7,75		
040	T.PHÁP DỤNG	Hồ Như Cường	P. Tân Phước	Bắc tông	9	8,5	6,5	7	31	7,75		
018	MINH TRUNG	Tôn Văn Nghĩa	P. Cát Lái	Nam tông	8	9	7	7	31	7,75		
037	PHÁP TỊNH	Đoàn Xuân Trường	X. Hồ Tràm	Nam tông	7	6	9	9	31	7,75		
051	THIỆN TÂM	Lê Thanh Tiến	P. Tân Uyên	Nam tông	7	6	9	9	31	7,75		
064	MINH CHÁNH	Dương Tiến Thịnh	P. Phú Thọ Hòa	Nam tông	8	8	8	7	31	7,75		
018	T.TÂM ĐẠT	Hà Trọng Phúc	P. An Phú Đông	Bắc tông	8	8	7	7,5	30,5	7,63		
019	T.TÂM NHÃ	Nguyễn Tấn Đạt	X. Hóc Môn	Bắc tông	6,5	7,5	7,5	9	30,5	7,63		

042	PHÁP XÃ	Nguyễn Thành Trung	X. Hồ Tràm	Nam tông	7	8	8	7,5	30,5	7,63		
055	TRÍ NHỰT	Ngô Minh Nhựt	P. Dầu Giây	Nam tông	8	7,5	8	7	30,5	7,63		
061	GIÁC ĐỊNH	Nguyễn Quốc Cường	P. Tân Uyên	Nam tông	8,5	9	7	6	30,5	7,63		
009	T.NGỌ PHÁP GIỚI	Nguyễn Văn Sinh	P. Vườn Lài	Bắc tông	9	9	6	6	30	7,50		
013	T.PHÁP ĐẠT	Nguyễn Trần Đức Thịnh	P. Tân Hải	Bắc tông	8	8	6,5	7,5	30	7,50		
004	T.GIÁC MINH QUÁN	Phạm Bá Định	P. Bình Trưng	Khất sĩ	8,5	8	6	7,5	30	7,50		
057	TRÍ THIỆN	Trần Quang Huy	P. Dầu Giây	Nam tông	7	7	8	8	30	7,50		
010	T.NGỌ PHÁP HIỀN	Đặng Tường Phi	P. Vườn Lài	Bắc tông	8	8,5	6,5	6,5	29,5	7,38		
068	CHÂN TÍN	Thái Đại Thành	X. An Bình	Nam tông	8	8,5	7	6	29,5	7,38		
004	T.ĐỒNG THANH	Nguyễn Ngọc Sơn	P. Cát Lái	Bắc tông	9,5	9,5	5	5	29	7,25		
020	PHÁP ÂN	Huỳnh Vũ Phong	P. Long Bình	Nam tông	9	9	5	6	29	7,25		
031	PHÁP MÃN	Huỳnh Khánh Thiệu	X. Hồ Tràm	Nam tông	9	8	6	6	29	7,25		
003	T.CHÚC PHƯƠNG	Hồ Phương Kiệt	P. Bình Thạnh	Bắc tông	8	8,5	6	6	28,5	7,13		
028	T.THIỆN TRỰC	Phùng Hoàng Hào	P. Linh Xuân	Bắc tông	7	8	6,5	7	28,5	7,13		
031	T.TỪ AN	Đinh Hữu Vinh	P. Bình Thạnh	Bắc tông	7	7	6,5	8	28,5	7,13		
003	T.ĐĂNG TÍNH	Chu Văn Huế	P. Bình Trưng	Khất sĩ	8,5	9	5	6	28,5	7,13		
005	T.MINH CHƠN	Lương Hải Tùng	P. Tân Hải	Khất sĩ	8	8	5,5	7	28,5	7,13		
033	T.XƯƠNG TÍN	Lý Ngọc Huy	P. Chánh Hưng	Bắc tông	7,5	8	6	6,5	28	7,00		
003	BẢO HÒA	Lê Quang Huy	P. Tân Uyên	Nam tông	7	6	8	7	28	7,00		
005	BẢO THUẬN	Tổng Văn Tường	X. Châu Pha	Nam tông	7	8	7	6	28	7,00		
010	ĐỊNH TÂM	Nguyễn Bình	P. Tân Uyên	Nam tông	6	7	8	7	28	7,00		
025	PHÁP CHƠN	Đỗ Quang Hiếu	X. Hồ Tràm	Nam tông	8	7	7	6	28	7,00		

043	PHỔ ĐẠO	Trương Văn An	P. Long Bình	Nam tông	6	6	8	8	28	7,00		
047	THIỆN HÙNG	Đặng Công Hùng	P. Dầu Giây	Nam tông	5	6	8	9	28	7,00		
006	T.HỌC HẢI	Võ Trường Sơn	P. Khánh Hội	Bắc tông	8,5	8	5,5	5,5	27,5	6,88		
022	T.THÁNH ÂN	Trần Quốc Công	P. Gia Định	Bắc tông	6,5	7,5	7	6,5	27,5	6,88		
008	T.MINH THỨC	Đỗ Hoàng Quân	P. Tân Hải	Khất sĩ	8,5	8	5	6	27,5	6,88		
024	T.THIỆN ĐẠT	Lý Quang Vinh	P. Hòa Bình	Bắc tông	6,5	7,5	6	7	27	6,75		
027	T.THIỆN THẮNG	Đinh Công Chiến	P. Thới An	Bắc tông	8	8,5	5	5,5	27	6,75		
006	BỬU TỊNH	Trần Y Vũ	P. Tân Uyên	Nam tông	8	6	7	6	27	6,75		
011	ĐỨC NIỆM	Trần Đăng Tấn	P. Long Bình	Nam tông	9	8	5	5	27	6,75		
036	PHÁP TỊNH	Nguyễn Văn Linh	X. Hồ Tràm	Nam tông	7	8	6	6	27	6,75		
007	T.MINH NGUYỄN	Nguyễn Uy Vũ	P. Tân Hải	Khất sĩ	8	8,5	5	5	26,5	6,63		
039	PHÁP TRÍ	Huỳnh Tấn Tài	X. Hồ Tràm	Nam tông	6	6	7,5	7	26,5	6,63		
008	T.MINH THIỆN	Nguyễn Minh Huy	P. Thông Tây Hội	Bắc tông	7	7	6	6	26	6,50		
013	MINH NGUYỄN	Nguyễn Hải Quan	X. Xuyên Mộc	Nam tông	8	7	6	5	26	6,50		
026	PHÁP ĐỊNH	Nguyễn Chí Quang	X. Hồ Tràm	Nam tông	6	6	7	7	26	6,50		
032	PHÁP NIỆM	Nguyễn Văn Tú	X. Hồ Tràm	Nam tông	7	6	6	7	26	6,50		
050	THIỆN PHƯỚC	Châu Quang Tiến	P. Dầu Giây	Nam tông	5	5	8	8	26	6,50		
032	T.TUỆ ĐỊNH	Phạm Thanh Truyền	P. Hiệp Bình	Bắc tông	7	8	5,5	5	25,5	6,38		
056	TRÍ TẤN	Trần Quang Diệu	X. Hồ Tràm	Nam tông	7	7,5	6	5	25,5	6,38		
016	T.QUẢNG THÀNH	Triệu Đào Quốc Dân	P. Bình Phú	Bắc tông	7	7	5,5	5,5	25	6,25		
002	T.ĐĂNG THANH	Nguyễn Văn Hước	P. Bình Trưng	Khất sĩ	7	7	5	6	25	6,25		
029	PHÁP KHÁNH	Văn Hồng Hải	X. Hồ Tràm	Nam tông	8	6	6	5	25	6,25		

038	PHÁP TÔNG	Kiên Minh Lượng	X. Hồ Tràm	Nam tông	7	6	6	6	25	6,25		
048	THIỆN KIẾN	Nguyễn Duy Khanh	P. Tân Uyên	Nam tông	5	5	8	7	25	6,25		
001	BẢO AN	Cao Văn Thọ	P. Vũng Tàu	Nam tông	8	8	3,5	5	24,5	6,13		
022	PHÁP CÀN	Nguyễn Hồng Phong	X. Hồ Tràm	Nam tông	7	8	6	3,5	24,5	6,13		
024	PHÁP CHÂN PHÁP	Thái Đại Quyền	X. Hồ Tràm	Nam tông	7	8	5	4,5	24,5	6,13		
007	T.MINH HẬU	Huỳnh Em	X. Cù Chi	Bắc tông	7	7	5	5	24	6,00		
011	T.NGUYỄN KIẾN	Phan Minh Sáng	P. Tam Bình	Bắc tông	7	7	5	5	24	6,00		
026	T.THIỆN PHÁP	Lê Văn Út	P. Gia Định	Bắc tông	8	6	5	5	24	6,00		
007	CHÁNH THIỆN	Ngô Chí Thiện	P. Tam Phước	Nam tông	6	5	7	6	24	6,00		
035	PHÁP THIỀN	Nguyễn Lý Minh Khôi	X. Hồ Tràm	Nam tông	6	5	7	6	24	6,00		
046	THIỆN ĐỨC	Trần Ngọc Hân	P. Vũng Tàu	Nam tông	5	5	7	7	24	6,00		
065	THIỆN NGỘ	Thái Bá Thắng	P. Tam Thắng	Nam tông	6	6,5	6	5	23,5	5,88		
010	T.ĐĂNG NHẬT	Phạm Khỏe	P. Bình Trưng	Khất sĩ	5	5	6	7	23	5,75		
021	PHÁP BẢO ÂN	Phùng Ngọc Đông	X. Hồ Tràm	Nam tông	7	6	6	4	23	5,75		
040	PHÁP TỪ	Nguyễn Văn Tuấn	X. Hồ Tràm	Nam tông	6	5	6	6	23	5,75		
045	THIỆN ĐĂNG	Phạm Phước Tiến	P. Tân Uyên	Nam tông	5	5	6,5	6	22,5	5,63		
001	T.AN ĐIỀN	Nguyễn Hữu Phước	P. Tân Hải	Bắc tông	4	4	7	7	22	5,50		
025	T.THIỆN NHỰT	Nông Văn Dũng	P. Tân Sơn	Bắc tông	6,5	6	4,5	5	22	5,50		
049	THIỆN PHÁP	Nguyễn Hoài Hận	P. Tân Uyên	Nam tông	5	5	7	5	22	5,50		
001	T.ĐĂNG KHẢ	Trần Văn Mạnh	P. Bình Trưng	Khất sĩ	5	5,5	5	6	21,5	5,38		
023	PHÁP CẢNH	Hoàng Trịnh Long Khánh	X. Hồ Tràm	Nam tông	7	5	6	3,5	21,5	5,38		
041	T.ĐỨC HẠNH	Nguyễn Trọng Dũng	P. Thới An	Bắc tông	4	4,5	5,5	7	21	5,25		

016	MINH THIÊN	Đỗ Ngọc Nam	P. Long Bình	Nam tông	5	6	5,5	4,5	21	5,25		
033	PHÁP THẮNG	Đỗ Phúc Giang Điền	X. Hồ Tràm	Nam tông	7	5	4	5	21	5,25		
044	PHUOC MINH NHIÊN	Trần Ngọc Giàu	TV. Phước Sơn	Nam tông	5	4,5	6	5,5	21	5,25		
042	T.NHUẬN THỊ	Nguyễn Thanh Tùng	P. Phú Mỹ	Bắc tông	5	5	5	5,5	20,5	5,13		
041	PHÁP VŨ	Võ Đức Nghĩa	X. Hồ Tràm	Nam tông	5	4	6	5,5	20,5	5,13		
004	BẢO MINH	Phạm Thông Mạnh	X. Châu Pha	Nam tông	6	5	5	3,5	19,5	4,88	Trượt	
052	THIỆN THÀNH	Nguyễn Công Thành	P. Vũng Tàu	Nam tông	7	8	1	3,5	19,5	4,88	Trượt	Điểm liệt 1
017	MINH THUẬN	Nguyễn Thanh Thảo	P. Vũng Tàu	Nam tông	5	5	5	3	18	4,50	Trượt	
006	T.MINH MÃN	Ngô Tuấn Minh	P. Tân Hải	Khất sĩ	4	4	4,5	4,5	17	4,25	Trượt	
027	PHÁP GIANG	Nguyễn Đông Giang	X. Hồ Tràm	Nam tông	5	5	3	2	15	3,75	Trượt	
028	PHÁP HIỀN	Hồ Công Định	X. Hồ Tràm	Nam tông	1	1	5	4,5	11,5	2,88	Trượt	
035	T.PHÁP KIÊN	Trịnh Diệu Kiên	P. An Đông	Bắc tông								HTH, Không thi
034	T.NGỘ LƯỢNG	Huỳnh Pháp Quả	P. Bình Lợi Trung	Bắc tông								HTH, Không thi
036	T.THÔNG TẠNG	Nguyễn Thành Thiện	P. Hòa Hưng	Bắc tông								HTH, Không thi
037	T.TRUNG AN	Thái Phúc Nguyên	P. Hòa Hưng	Bắc tông								HTH, Không thi
038	T.TỊNH LỘC	Hà Thanh Thảo	P. An Lạc	Bắc tông								HTH, Không thi
021	T.TÂM TRÍ	Lê Minh Nhật	X. An Nhơn Tây	Bắc tông								Rút hồ sơ
014	MINH PHƯƠNG	Đặng Thọ Dũng	P. Long Bình	Nam tông								Vắng
015	MINH TÂM	Nguyễn Ngọc Lợi	P. Vũng Tàu	Nam tông								Vắng
034	PHÁP THÁNH	Võ Văn Thép	X. Hồ Tràm	Nam tông								Vắng